

TUẦN 4

PHẦN LỊCH SỬ

TIẾT 10 - BÀI 4: XÃ HỘI NGUYÊN THỦY(tiết 2)

II. ĐỜI SỐNG VẬT CHẤT CỦA NGƯỜI NGUYÊN THỦY

1. Lao động và công cụ lao động

- Ban đầu, người nguyên thủy chỉ biết cầm những mảnh đá trên tay làm công cụ; về sau họ biết ghè đá tạo thành công cụ lao động thô sơ (rìu tay, mảnh tước), tạo ra lửa để sưởi ấm và nướng thức ăn.

- Ở Việt Nam, công cụ lao động bằng đá của Người tối cổ được tìm thấy nhiều ở An Khê (Gia Lai), núi Đọ (Thanh Hóa)

- Người tinh khôn biết mài đá làm công cụ (rìu đá mài lưỡi) là một bước tiến đáng kể của công cụ đá, biết sử dụng lao và cung tên nên nguồn thức ăn phong phú hơn.

2. Từ hái lượm, săn bắt đến trồng trọt, chăn nuôi

- Ban đầu, người nguyên thủy sống lệ thuộc vào tự nhiên chủ yếu là hái lượm và săn bắt. Về sau, họ biết trồng trọt và chăn nuôi, sống định cư.

- Dấu tích của nền nông nghiệp sơ khai cũng xuất hiện rất sớm ở Việt Nam. Trong di chỉ văn hóa Hòa Bình (cách ngày nay khoảng 10 000 năm), tìm thấy những dấu vết của hạt thóc, hạt gạo cháy, có cả bàn nghiền hạt và chày.

- Người nguyên thủy đã dần chuyển sang định cư, địa bàn cư trú được mở rộng ở nhiều vùng khác nhau như Bàu Tró (Quảng Bình), Cái Bèo, Hạ Long(Quảng Ninh); Quỳnh Vãn(Nghệ An),...

III. ĐỜI SỐNG TINH THẦN CỦA NGƯỜI NGUYÊN THỦY.

- Người nguyên thủy đã có tục chôn cất người chết kèm theo công cụ lao động và đồ trang sức.

- Họ biết vẽ trên các vách hang động, điêu khắc trên các chất liệu đá, ngà voi...

LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG

Câu 1: Em hãy hoàn thành bảng dưới đây:

Nội dung	Người tối cổ	Người tinh khôn
Đặc điểm cơ thể		
Công cụ và phương thức lao động		
Tổ chức xã hội		

Câu 2: Theo em, lao động có vai trò như thế nào đối với bản thân, gia đình và xã hội ngày nay?

TIẾT 11 - BÀI 5: SỰ CHUYỂN BIẾN TỪ XÃ HỘI

NGUYÊN THỦY SANG XÃ HỘI CÓ GIAI CẤP(tiết 1)

I. SỰ XUẤT HIỆN CỦA CÔNG CỤ LAO ĐỘNG BẰNG KIM LOẠI

- Vào khoảng thiên niên kỉ IV TCN, con người tìm ra kim loại đầu tiên là đồng đỏ.
 - Đầu thiên niên kỉ II TCN, họ đã luyện được đồng thau và sắt.
 - Công cụ lao động và vũ khí bằng kim loại ra đời, sớm nhất ở Tây Á, Bắc Phi
- Ý nghĩa: giúp con người khai phá đất hoang, tăng diện tích trồng trọt, khai thác mỏ, làm nông nghiệp và săn thú dễ dàng. Một số công việc mới xuất hiện như nghề luyện kim, chế tạo công cụ lao động, chế tạo vũ khí.

II. SỰ CHUYỂN BIẾN TRONG XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

- Nhờ có công cụ bằng kim loại, vào cuối thời nguyên thủy, con người tăng năng suất lao động nên sản phẩm dư thừa thường xuyên → xã hội phân hoá thành người giàu, người nghèo → Xã hội nguyên thủy dần dần tan rã.
- Ở Phương Đông xã hội phân hóa không triệt để vì cần liên kết để làm thủy lợi và chống giặc ngoại xâm. Do vậy, sự liên kết giữa các cộng đồng và nhiều tập tục của xã hội nguyên thủy tiếp tục được bảo lưu.

DẶN DÒ

HS đọc trước tài liệu trong SGK phần III giờ sau tìm hiểu tiếp

PHẦN ĐỊA LÍ

TIẾT 12 - BÀI 2: KÍ HIỆU VÀ CHÚ GIẢI TRÊN MỘT SỐ BẢN ĐỒ THÔNG DỤNG

I. KÍ HIỆU BẢN ĐỒ VÀ CHÚ GIẢI

- Kí hiệu bản đồ là phương tiện dùng để thể hiện toàn bộ hay một phần của các sự vật và hiện tượng địa lí.
- Kí hiệu bản đồ là những hình vẽ, màu sắc, chữ viết... mang tính qui ước dùng để thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.
- Kí hiệu bản đồ giúp người đọc phân biệt được sự khác nhau của các thông tin thể hiện trên bản đồ.
- Ý nghĩa của các kí hiệu được giải thích rõ ràng trong chú giải của bản đồ.

II. CÁC LOẠI KÍ HIỆU BẢN ĐỒ

- Kí hiệu bản đồ có nhiều loại khác nhau:
 - + Kí hiệu tượng hình: hình ảnh thu nhỏ chiếc máy bay, hình ảnh con vật.
 - + Kí hiệu hình học
 - + Bản đồ cũng sử dụng màu sắc và nét chải thể hiện các đối tượng phân bố trên những vùng có diện tích rộng.
- Hệ thống kí hiệu trên bản đồ thường chia thành ba loại:
 - + Kí hiệu điểm: Dùng để thể hiện những sự vật, hiện tượng địa lí phân bố theo điểm: sân bay, nhà máy thủy điện, nhà máy nhiệt điện
 - + Kí hiệu đường: Dùng để thể hiện các sự vật, hiện tượng địa lí phân bố theo chiều dài như đường ranh giới quốc gia, đường giao thông, sông ngòi,...
 - + Kí hiệu diện tích: Thường được dùng để thể hiện các sự vật, hiện tượng địa lí phân bố theo diện tích như vùng trồng lúa, đất trồng rừng, đầm lầy,...

LUYỆN TẬP – VẬN DỤNG

HS làm bài tập cuối bài 2